



PHỤ LỤC 7 - QUY ĐỊNH ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP DÀNH CHO PHƯƠNG THỨC 1 NĂM 2025

Đối tượng	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
1. Hệ số trường THPT		- Thí sinh được cộng tối đa là 4.00 điểm khuyến khích học tập (theo thang điểm 40). - Thí sinh đạt giải học sinh giỏi Quốc gia, Tỉnh/Thành phố chỉ dành cho kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, tỉnh/thành phố. Trong trường hợp thí sinh đạt thành tích cả hai nội dung tại mục 2 và 3 chỉ được cộng điểm khuyến khích cao nhất. - Điểm cộng mục 2, 3, 4 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong Phụ lục đính kèm. - Điểm cộng mục 6 chỉ dành cho các ngành thuộc chương trình tiêu chuẩn, chương trình tiên tiến, chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa. - Thí sinh được cộng điểm khuyến khích mục 7, 8, 9 vào điểm xét tuyển khi xét tuyển vào ngành Quản lý thể dục thể thao. - Thí sinh được cộng điểm khuyến khích mục 12 vào điểm xét tuyển khi xét tuyển vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng. - Thời gian đoạt giải: không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển đối với các mục 7, 8, 9, 12 và không quá 3 năm với các mục 2, 3, 4, 10, 11. - Thí sinh đoạt đồng thời nhiều thành tích ở các mục 7, 8, 9 chỉ được cộng điểm khuyến khích cao nhất. - Điểm cộng mục 10, 11 được xét cộng cho các ngành xét tuyển phù hợp với nghề đã đoạt giải.
Trường chuyên/Trường trực thuộc (VFIS)	2.00	
Trường Trọng điểm	1.00	
Trường thường	0	
2. Giải học sinh giỏi Quốc gia		
Nhất	1.50	
Nhì	1.25	
Ba	1.00	
Khuyến khích	0.75	
3. Giải học sinh giỏi Tỉnh/Thành phố		
Nhất	0.75	
Nhì	0.50	
Ba	0.25	
4. Giải khoa học kỹ thuật Quốc gia		
Nhất	1.50	
Nhì	1.25	
Ba	1.00	
Tư	0.75	
5. Học sinh Tốt/Giỏi 3 năm THPT: Học lực cả năm lớp 10, 11, 12	0.25	
6. Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS		
≥ 6.5	1.00	
6.0	0.75	
5.5	0.50	
5.0	0.25	
7. Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ , bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á	1.50	

Đối tượng	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
8. Thí sinh đoạt huy chương các giải quốc gia tổ chức một lần trong năm		
Vàng	1.50	
Bạc	1.00	
Đồng	0.50	
9. Thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (TDTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	0.50	
10. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi		
Nhất	1.50	
Nhì	1.00	
Ba	0.75	
11. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế		
Nhất	1.50	
Nhì	1.00	
Ba	0.75	
12. Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi Mỹ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc; cuộc thi do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	1.50	